

“I don't need lawyers who win at all cost.
I really need them to win, but calculate the costs ”

Số 7/2010

Tháng 07-2010

PHỤ TRÁCH NỘI DUNG

LS. Trần Duy Cảnh

BIÊN SOẠN

LS. Phùng Thanh Sơn
LS. Phạm Thụy Tường Vi
LS. Mai Thị Ngọc Ánh
LS. Lê Khánh Phương
LS. Dương Thị Mai Hương
LS. Phan Thị Thùy Tâm
LS. Trần Quốc Đạt

THƯ KÝ

LS. Đào Lê Thu

CÔNG TY LUẬT HỢP DANH LUẬT VIỆT
www.luatviet.com

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Lầu 9, Tòa nhà Empire, 26-28
Hàm Nghi, P.Bến Nghé, Quận 1
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 (8) 3 824 8440
Fax: +84 (8) 3 824 8441
E-mail: canh.tran@luatviet.com

Văn phòng Hà Nội

Phòng 402, Tòa nhà DMC, 535
Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 (4) 2 220 3152
Fax: +84 (4) 2 220 3153
E-mail: phuc.le@hn.luatviet.com

Thị Trường Vốn – Tài Chính – Ngân Hàng

GIẢM THIỂU ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty đại chúng chưa niêm yết không buộc phải có thành viên cam kết hỗ trợ khi đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thẩm quyền quản lý phương thức giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán được mở rộng. Sở giao dịch và Trung tâm lưu ký được quyền quy định cụ thể phương thức giao dịch và cách thức sửa lỗi giao dịch theo hình thức khớp lệnh sau khi được UBCK chấp thuận.

Những nội dung trên được quy định tại Thông tư số 95/2010/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 30/6/2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và quản lý giao dịch chứng khoán của Công ty đại chúng chưa niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 108/2008/QĐ-BTC ngày 20/11/2008.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thị Trường Vốn – Tài Chính – Ngân Hàng

Giảm thiểu điều kiện, thủ tục đăng ký giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.....1

Một số điểm mới của thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm.....2

Quy định lãi suất cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của chính phủ.....3

Doanh Nghiệp – Đầu Tư

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, tập đoàn bưu chính viễn thông và tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ thí điểm đấu thầu qua mạng.....4

Sáu lĩnh vực khoa học- công nghệ khuyến khích hợp tác đầu tư nước ngoài.....5

Thương Mại

Hội đồng trọng tài được quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.....6

Đất Đai – Xây Dựng

Đất bị lấn, chiếm phải chịu mức thuế suất đến 0.2%.....7

Hành Chính

Kinh doanh rượu và thuốc lá lậu có giá trị trên 100 triệu đồng có thể bị khởi tố hình sự.....8

Bị xử phạt hành chính còn phải bồi thường thiệt hại.....9

Thị Trường Vốn – Tài Chính – Ngân Hàng**MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA THỦ TỤC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM**

Đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến: Cá nhân, tổ chức có thể đăng ký và tra cứu thông tin về giao dịch bảo đảm trực tuyến. Việc đăng ký thông tin giao dịch trực tuyến có giá trị pháp lý như đơn giấy. Thủ tục đăng ký trực tuyến được xem là một điểm mới nổi bật của nghị định 83 vì đã giúp người dân tiết kiệm thời gian, chi phí khi đăng ký và tra cứu thông tin về giao dịch bảo đảm trực tuyến.

Giải quyết hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm trong ngày. Cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, sửa chữa sai sót về đăng ký giao dịch bảo đảm, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm trong ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ, nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký ngay trong ngày làm việc tiếp theo.

Hiệu lực của việc đăng ký giao dịch bảo đảm không còn giới hạn là 5 năm như quy định tại Nghị định 08/2000/NĐ-CP trước đây, trừ trường hợp xóa đăng

ký theo yêu cầu.

Những điểm mới trên được quy định tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngoài những điểm mới nói trên, Nghị định 83 còn quy định rõ thời điểm đăng ký giao dịch bảo đảm có hiệu lực. Tùy vào từng loại tài sản bảo đảm mà thời điểm có hiệu lực của việc đăng ký sẽ khác nhau. Đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì thời điểm có hiệu lực là thời điểm cơ quan đăng ký nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ; Đối với tàu bay, tàu biển, thời điểm có hiệu lực là thời điểm thông tin về giao dịch bảo đảm được ghi vào Sổ đăng bạ tàu bay, Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam; đối với các tài sản khác, thời điểm có hiệu lực là thời điểm nội dung của đơn yêu cầu đăng ký được nhập vào Cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 09/9/2010, thay thế Nghị định 08/2000/NĐ-CP.

QUY ĐỊNH LÃI SUẤT CHO VAY LẠI NGUỒN VỐN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Sẽ được thực hiện theo Nghị định 78/2010/NĐ-CP kể từ ngày 30/8/2010, thay cho Quyết định số 181/2007/QĐ-TTg ngày 26/11/2007 của Thủ tướng Chính Phủ.

Nghị định nêu rõ, lãi suất cho vay lại vốn vay thương mại, vay ưu đãi bằng lãi suất vay nước ngoài. Đối với cho vay lại vốn vay ODA, lãi suất cho vay lại bằng ngoại tệ gốc vay nước ngoài được tính bằng 2/3 lãi suất thương mại tham chiếu tương ứng với thời hạn cho vay lại tại thời điểm xác định điều kiện cho vay lại. Trường hợp mức 2/3 lãi suất thương mại tham chiếu nêu trên thấp hơn lãi suất vay nước ngoài thì lãi suất cho vay lại bằng lãi suất vay nước ngoài. Tương tự, trường hợp cho vay lại bằng ngoại tệ không có lãi suất thương mại tham chiếu, lãi suất cho vay lại cũng bằng lãi suất vay nước ngoài.

Cũng trong hoạt động cho vay lại nguồn vốn ODA, nếu cho vay lại bằng Đồng Việt Nam thì lãi suất cho vay lại được xác định bằng lãi suất cho vay ngoại tệ quy định ở trên cộng với tỷ lệ rủi ro tỷ giá giữa ngoại tệ và Đồng Việt Nam (ĐVN). Bộ Tài chính chủ trì,

phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính toán và công bố mức rủi ro tỷ giá giữa ĐVN và 3 loại ngoại tệ chính là đồng USD, EURO và JPY.

Đặc biệt, một số ngành, lĩnh vực sẽ được hưởng lãi suất ưu đãi theo mức bằng 30% mức lãi suất cho vay lại bằng ngoại tệ hoặc ĐVN tương ứng, nhưng không thấp hơn lãi suất vay nước ngoài. Trường hợp cho UBND cấp tỉnh vay lại, lãi suất cho vay lại bằng lãi suất vay nước ngoài.

Theo Nghị định, người vay lại phải trả 3 loại phí gồm: Phí cho vay lại, phí và chi phí liên quan do bên cho vay nước ngoài thu, các loại phí dịch vụ do ngân hàng phục vụ thu theo quy định của ngân hàng.

Người vay lại phải sử dụng biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay lại của Chính phủ và/hoặc tài sản khác. Tuy nhiên, một số trường hợp không yêu cầu bảo đảm tiền vay là: cho UBND cấp tỉnh hay cho tổ chức tài chính, tín dụng vay lại, hoặc các trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng tín chấp hoặc được miễn bảo đảm tiền vay.

Doanh Nghiệp – Đầu Tư**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI, TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VÀ TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM SẼ THÍ ĐIỂM ĐẤU THẦU QUA MẠNG**

Ba cơ quan trên sẽ thực hiện thí điểm đấu thầu qua mạng theo Thông tư số 17/2010-TT-BKH ngày 22/01/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Theo Thông tư, việc đấu thầu qua mạng được áp dụng đối với các gói thầu dịch vụ tư vấn, mua sắm hàng hóa và xây lắp có hình thức lựa chọn nhà thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế và chào hàng cạnh tranh trong nước. Mỗi cơ quan thí điểm lựa chọn tối thiểu 05 gói thầu mua sắm hàng hóa, 03 gói thầu dịch vụ tư vấn, 03 gói thầu xây lắp để áp dụng thí điểm đấu thầu qua mạng.

Khi tổ chức đấu thầu qua mạng, bên mời thầu phải đăng ký tham gia vào Hệ thống đấu thầu qua mạng tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn> để được cấp chứng thư số; nhà thầu cũng phải đăng ký tham gia vào Hệ thống khi tham gia đấu thầu qua mạng để được cấp chứng thư số.

Các văn bản điện tử giao dịch qua Hệ thống có chữ ký số của người đại diện hợp pháp đều có giá trị pháp lý và có hiệu lực như văn bản bằng giấy. Văn bản điện tử được gửi đến máy chủ chỉ được coi là đã gửi thành công khi máy chủ nhận được; máy chủ sau khi nhận được sẽ có xác nhận là đã nhận thành công cho người gửi.

Thời gian gửi, nhận văn bản điện tử qua Hệ thống đấu thầu qua mạng được xác định căn cứ theo thời gian ghi lại trên máy chủ của Hệ thống. Nhà thầu cần thay đổi tên tham gia đấu thầu, tham gia chào hàng cạnh tranh so với khi nhận hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thì phải thông báo bằng văn bản giấy cho bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu, thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2010.

SÁU LĨNH VỰC KHOA HỌC- CÔNG NGHỆ KHUYẾN KHÍCH HỢP TÁC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Nhà nước Việt Nam khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác, đầu tư trong sáu lĩnh vực: Nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên; Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa và cơ điện tử, năng lượng nguyên tử và các dạng năng lượng mới, công nghệ vũ trụ, công nghệ cơ khí – chế tạo máy, các công nghệ bảo quản và chế biến nông sản, thực phẩm, công nghệ xử lý chất thải; Đào tạo và phát triển nhân lực công nghệ cao; Phát triển doanh nghiệp công nghệ cao tại Việt Nam; Chuyển giao công nghệ và dịch vụ KHCN; Lập hoặc đóng góp xây dựng các quỹ phát triển KHCN tại Việt Nam.

Để thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam, tổ chức KHCN nước ngoài phải là tổ chức đã hoạt động từ 1 năm trở lên (đối với trường hợp lập văn phòng đại diện) hoặc 5 năm trở lên (đối với

trường hợp lập chi nhánh)... Thời hạn cấp phép cho VPĐD và CN không quá 5 năm và không vượt quá thời hạn được phép hoạt động còn lại của tổ chức KHCN nước ngoài.

Ngoài các quy định của pháp luật về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, dự án đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực KHCN còn phải đáp ứng 3 điều kiện: Có dự án đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực KHCN; được phép của Bộ KHCN và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp GCN đầu tư. Tuy nhiên, không hạn chế phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài.

Những vấn đề trên được quy định tại Nghị định số 80/2010/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (KHCN). Nghị định này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/9/2010.

Thương Mại**HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI ĐƯỢC QUYỀN ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI**

Đây là nội dung mới của Luật Trọng tài Thương mại được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2010. Theo đó, các bên tranh chấp có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài hoặc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của Luật này và các quy định của pháp luật có liên quan. Việc yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị coi là sự bác bỏ thỏa thuận trọng tài hoặc khước từ quyền giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài. Trước đây, theo Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003 thì chỉ có Tòa án mới có quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngoài ra, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 còn có nhiều điểm mới đáng chú ý khác như: Thẩm quyền của Trọng tài được mở rộng hơn so với Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003. Trọng tài giải quyết cả những tranh chấp mà trong đó có ít nhất một bên hoạt động thương mại và các trường hợp pháp luật qui định phải giải quyết bằng Trọng tài; Trọng tài có quyền xác minh vụ việc, thu thập chứng cứ và triệu tập nhân chứng. Trong trường hợp nhân chứng không hợp tác, Hội đồng trọng tài sẽ có văn bản đề nghị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định triệu tập người làm chứng đến phiên họp của Hội đồng trọng tài. Chi phí cho người làm chứng do bên

yêu cầu triệu tập người làm chứng chịu hoặc do Hội đồng trọng tài phân bổ; Quyết định xem xét yêu cầu hủy phán quyết của Tòa án không được kháng cáo, kháng nghị theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Trước đây, theo Pháp lệnh Trọng tài Thương mại 2003, trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, các bên có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định của Tòa án.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, Pháp lệnh Trọng tài thương mại 2003 hết hiệu lực. Các thỏa thuận trọng tài được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực được thực hiện theo các quy định của pháp luật tại thời điểm ký thỏa thuận trọng tài.

Các Trung tâm trọng tài được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực không phải làm thủ tục thành lập lại. Các Trung tâm trọng tài phải sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy tắc tố tụng trọng tài cho phù hợp với quy định của Luật này trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực. Hết thời hạn nêu trên mà các Trung tâm trọng tài không sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy tắc tố tụng trọng tài thì bị thu hồi Giấy phép thành lập và phải chấm dứt hoạt động.

ĐẤT ĐAI – XÂY DỰNG**ĐẤT BỊ LẤN, CHIẾM PHẢI CHỊU MỨC THUẾ SUẤT ĐẾN 0.2%**

Đó là một trong những quy định mới đáng lưu ý trong Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được Quốc hội khóa XII tại kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/6/2010.

Theo Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, các vấn đề về đối tượng chịu thuế, đối tượng không thuộc diện chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, đăng ký, khai, tính, nộp thuế, miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đã được quy định rõ ràng hơn rất nhiều so với Pháp lệnh thuế nhà, đất năm 1992. Cụ thể như sau:

- Đối tượng chịu thuế theo Luật được xác định là đất phi nông nghiệp, bao gồm: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất sản xuất, kinh doanh phi nông

đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất sử dụng cho khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm.

- Đồng thời, Luật cũng đã quy định 7 loại đất phi nông nghiệp sử dụng không vì mục đích kinh doanh sẽ không thuộc đối tượng chịu thuế, bao gồm: đất sử dụng vào mục đích công cộng gồm đất giao thông, thủy lợi; đất xây dựng các công trình văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng; đất có di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; đất xây dựng các công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ; đất do các cơ sở tôn giáo sử

ĐẤT ĐAI – XÂY DỰNG

đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp, tổ chức xã hội, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên nếu các loại đất trên sử dụng vào mục đích kinh doanh thì sẽ phải chịu thuế theo quy định của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Có hai căn cứ để tính thuế là giá tính thuế và thuế suất. Theo đó, giá tính thuế đối với đất được xác định bằng diện tích đất thực tế sử dụng nhân với giá của 1 m² đất. Diện tích đất tính thuế là diện tích đất sử dụng; trường hợp có quyền sử dụng nhiều thửa đất thì diện tích thuế là tổng diện tích các thửa đất ở tính thuế. Giá của 1 m² đất là giá đất theo mục đích sử dụng do UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương quy định và được ổn định theo chu kỳ năm năm kể từ ngày luật này có hiệu lực.

Nhằm ngăn chặn tình trạng đầu cơ đất đai, luật quy định mức thuế suất như sau: diện tích trong hạn mức có thuế suất 0,03%; vượt không quá ba lần hạn mức 0,07%; vượt trên ba lần hạn mức 0,15%. Đất sử dụng không đúng mục đích, chưa sử dụng chịu thuế suất 0,15%.

Ngoài ra, trường hợp đất của dự án đầu tư phân kỳ theo đăng ký của nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không coi là đất chưa sử dụng và được áp dụng mức thuế suất 0,03%. Cùng chịu mức thuế suất này còn có đất ở nhà nhiều tầng, nhà chung cư, công trình ngầm; đất sản xuất, đất kinh doanh phi nông nghiệp và đất phi nông nghiệp sử

dụng vào mục đích kinh doanh.

Một điểm mới đáng lưu ý của Luật là thu thuế đối với đất lấn, chiếm áp dụng mức thuế suất chung là 0,2%; không áp dụng hạn mức đất ở đối với đất lấn, chiếm. Đồng thời Luật nhấn mạnh thêm: việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế đối với diện tích đất lấn, chiếm.

- Luật đã quy định cụ thể, rõ ràng việc miễn hẳn thuế cho chín loại đối tượng và giảm 50% thuế cho bốn loại đối tượng. Đáng chú ý, doanh nghiệp sử dụng trên 50% lao động là thương, bệnh binh; đất có nhà vườn được công nhận di tích lịch sử, văn hóa và người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng cũng được miễn, giảm thuế đất.

- Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở, hạn mức đất chịu thuế được tính bằng tổng diện tích các thửa đất. Người nộp thuế được lựa chọn hạn mức đất ở tại một quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có quyền sử dụng đất. Trường hợp có một hoặc nhiều thửa đất ở vượt hạn mức thì được chọn một nơi có thửa đất ở vượt hạn mức để xác định diện tích vượt hạn mức của tổng diện tích các thửa đất. Giá tính thuế được áp dụng theo giá đất của từng quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh tương ứng nơi có thửa đất.

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2012 và sẽ thay thế Pháp lệnh Thuế nhà, đất năm 1992.

HÀNH CHÍNH**KINH DOANH RƯỢU VÀ THUỐC LÁ LẬU CÓ GIÁ TRỊ TRÊN 100 TRIỆU ĐỒNG CÓ THỂ BỊ KHỞI TỐ HÌNH SỰ**

Ngày 12/7/2010, Chính phủ có Nghị định số 76/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 06/2009/NĐ-CP ngày 22/01/2009 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh rượu và thuốc lá. Theo đó, bổ sung quy định: đối với hành vi vi phạm có trị giá rượu nhập lậu từ 100 triệu đồng trở lên hoặc số lượng thuốc lá điều nhập lậu từ 1.500 bao trở lên thì cơ quan phát hiện hoặc thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền để truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp cơ quan tiến hành

tố tụng hình sự có quyết định không truy cứu trách nhiệm hình sự mà chuyển sang xử phạt vi phạm hành chính thì mức xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là 100 triệu đồng.

Về hành vi vi phạm các quy định về kinh doanh nguyên liệu thuốc lá nhập lậu, phạt tiền từ 100 ngàn đồng đến 100 triệu đồng đối với hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ nguyên liệu thuốc lá nhập lậu dưới dạng lá khô chưa tách cọng (đối với thuốc lá dưới dạng lá rời, lá đã sơ chế tách cọng hoặc thuốc lá sợi, thuốc lá tẩm, cọng thuốc

HÀNH CHÍNH

lá và các chế phẩm thay thế khác dùng để sản xuất ra các sản phẩm thuốc lá được quy đổi theo trọng lượng tương đương) tùy theo trọng lượng của nguyên liệu thuốc lá nhập lậu. Đối với hành vi kinh doanh nguyên liệu thuốc lá nhập lậu có trọng lượng từ 2.000 kg trở lên thì cơ quan phát hiện hoặc thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền để truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không truy cứu trách nhiệm hình sự mà chuyển sang xử phạt vi phạm hành chính thì mức xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là 100 triệu đồng.

Điều 11 Nghị định 06/2009/NĐ-CP được chia thành 3 Điều là:

- Điều 11a. Vi phạm các quy định về kinh doanh rượu nhập lậu;
- Điều 11b. Vi phạm các quy định về kinh doanh hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu;
- Điều 11c. Vi phạm các quy định về kinh doanh nguyên liệu thuốc lá nhập lậu.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2010.

LĨNH VỰC AN NINH TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN XÃ HỘI: BỊ XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH CÒN PHẢI BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Ngày 12 tháng 7 năm 2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2010/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự và an toàn xã hội. Theo đó, ngoài việc áp dụng các hình thức xử phạt hành chính thông thường, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho tổ chức, cá nhân theo quy định về bồi thường thiệt hại trong Bộ luật dân sự bởi hành vi vi phạm của mình gây ra.

Về mức phạt: Khung mức phạt tuy vẫn được giữ nguyên là từ 60.000 đồng đến 30.000.000 đồng nhưng nhìn chung có nhiều sự thay đổi về cơ cấu mức phạt cho từng hành vi cụ thể, đặc biệt là việc tăng mức phạt để phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường và tạo ra cơ chế răn đe có hiệu quả hơn. Điển hình như các hành vi về vi phạm trật tự an toàn công cộng; các hành vi về đăng ký quản lý và cư trú; các hành vi; các hành vi vi phạm quy định về cấp và quản lý, sử dụng giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ tùy thân; các hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ,

các loại pháo, đồ chơi nguy hiểm bị cấm; các hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự, các hành vi vi phạm các quy định về quản lý một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; các hành vi vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu; các hành vi vi phạm các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ...

Về thẩm quyền xử phạt: Bổ sung thêm thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Cục trưởng cục quản lý xuất nhập cảnh. Mức xử phạt tiền của Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ; Trạm trưởng, Đội trưởng; Trưởng Công an cấp xã; Giám đốc Công an cấp tỉnh, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp... được tăng lên.

Nghị định 73/2010/NĐ-CP chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2010, thay thế Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ.